

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động năm 2017 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2018 (*Tổng Giám đốc báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên Công ty năm 2018*)

Thực hiện nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị (HĐQT) về việc triển khai thực hiện mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ năm 2017 của Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh (Công ty). Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư xây dựng (ĐT XD) và các hoạt động khác của Công ty trong năm 2017, thay mặt Ban điều hành, Tổng Giám đốc Công ty kính báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 về kết quả hoạt động năm 2017 và Kế hoạch (KH) nhiệm vụ năm 2018 của Công ty với các nội dung chính như sau:



PHẦN THỨ NHẤT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

I. Tình hình chung:

- Về công tác SXKD: Trong điều kiện Thị trường điện có nhiều biến động và không thuận lợi đối với các Nhà máy nhiệt điện, tuy nhiên Công ty đã nỗ lực vận hành các TM ổn định, bám sát theo quy định của Thị trường điện, nên sản lượng điện sản xuất của toàn Nhà máy đạt 5,79 tỷ kWh, nâng tổng sản lượng phát từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2017 là hơn 34 tỷ kWh; Công tác sửa chữa lớn lần đầu TM1 đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra; Công tác an toàn, bảo vệ môi trường luôn được chú trọng, đảm bảo; Kết quả SXKD đạt mức lợi nhuận cao hơn nhiều so kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông giao.

- Về công tác ĐT XD: Dự án NMNĐ Quảng Ninh 1 đã trình các cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán hoàn thành; Dự án NMNĐ Quảng Ninh 2 đã hoàn thành quyết toán HĐ EPC, đang trong quá trình hoàn thiện lập hồ sơ quyết toán hoàn thành để làm việc với Tư vấn kiểm toán; Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải đã kết thúc quá trình LCNT và đang trình phê duyệt kết quả LCNT các gói thầu EPC, làm cơ sở triển khai ký Hợp đồng trong năm 2018.

Chi tiết kết quả thực hiện các nhiệm vụ năm 2017 như sau:

II. Kết quả hoạt động SXKD:

1. Các chỉ tiêu chính trong SXKD

- Sản lượng điện sản xuất là 5,79 tỷ kWh, đạt 80,4% so với KH năm 2017, bằng 81,6% so với thực hiện năm 2016;

- Sản lượng điện thương phẩm là 5,28 tỷ kWh, đạt 81,1% so với KH năm 2017 và bằng 81,8% so với thực hiện năm 2016.

- Tổng doanh thu đạt 8.301,6 tỷ đồng, bằng 90,6% so với KH năm 2017.
- Tổng chi phí thực hiện là 7.484,2 tỷ đồng, bằng 84,8% so với KH năm 2017.
- Tổng lợi nhuận SXKD (chưa tính ảnh hưởng của CLTG) là 817,4 tỷ đồng, bằng 246% so với KH năm 2017 và tăng 37,7% so với thực hiện năm 2016.
- CLTG phát sinh trong kỳ và từ năm 2015 phân bổ sang là (108,5) tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận SXKD đã tính ảnh hưởng của CLTG trong kỳ và CLTG của năm 2015 phân bổ sang là 708,9 tỷ đồng.

(Chi tiết xem phụ lục 01 – Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2017)

2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2017:

2.1. *Thành tích, thuận lợi:* Năm 2017, Công ty đạt tổng lợi nhuận (chưa tính ảnh hưởng của CLTG) là 817,4 tỷ đồng, tăng 485,1 tỷ đồng so với Kế hoạch năm 2017 (trong đó: (i) Lợi nhuận sản xuất kinh doanh điện tăng 402,3 tỷ đồng; (ii) Lợi nhuận hoạt động tài chính tăng 3,3 tỷ đồng; (iii) Lợi nhuận khác tăng 79,5 tỷ đồng). Sau khi tính ảnh hưởng của CLTG, tổng lợi nhuận đạt 708,9 tỷ đồng, trong đó: (i) phân bổ CLTG năm 2015 là 128,9 tỷ đồng; (ii) lãi CLTG năm 2017 là 20,4 tỷ đồng.

Để đạt được những kết quả khả quan này, Ban Điều hành Công ty đã tăng cường, quyết liệt và đề ra các giải pháp đồng bộ, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao năng lực quản lý thiết bị và kỷ luật vận hành. Bên cạnh đó là sự nỗ lực, quyết tâm của tập thể CBCNV Công ty trong việc sửa chữa, vận hành Nhà máy, cụ thể:

- Hoàn thành tốt công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa sự cố phát sinh, đảm bảo tiến độ không vi phạm quy định quá 72 giờ và tối ưu hóa chế độ vận hành nên các chỉ tiêu kỹ thuật vận hành đạt (thấp hơn) so với kế hoạch đề ra:
 - Tỷ lệ điện tự dùng thực hiện là 9,72% thấp hơn so với KH năm (9,92%), theo PAGĐ là 10,02%.
 - Suất chi phí than (quy đổi theo giá than tại Quyết định số 699/QĐ-BTC của Bộ Tài chính) là 775,03 đồng/kWh, giảm 8,79 đồng/kWh so với KH năm (783,82 đồng/kWh), theo PAGĐ là 794 đồng/kWh.
 - Tỷ lệ ngừng máy do sự cố là 1,75% (trùng ứng với 14 lần sự cố TM, năm 2016 là 17 lần) thấp hơn so với KH năm (2,74).
 - Hệ số khả dụng 93,99% đạt so với KH năm (89,9%).
 - Suất hao nhiệt là 10.936,42 kJ/kWh, thấp hơn so với KH năm (11.118,92 kJ/kWh).
- Hoàn thành công tác sửa chữa lớn các hạng mục công trình theo kế hoạch đã được duyệt, đảm bảo tiến độ và chất lượng hệ thống thiết bị sau sửa chữa, đặc biệt đảm bảo chất lượng công tác đại tu lần đầu tiên TM1.
- Tuân thủ đáp ứng yêu cầu điều độ của Hệ thống điện. Chủ động, linh hoạt trong công tác vận hành Thị trường điện nhằm tối đa hóa doanh thu.

Bên cạnh đó, năm 2017 Công ty có được một số yếu tố thuận lợi khách quan:

- Công ty có các khoản thu nhập phát sinh hoặc từ năm trước chuyển sang: (i) Khoản thu từ việc thanh toán một phần CLTG thực hiện năm 2015 (26,9 tỷ đồng); (ii) Khoản thu từ giá trị hàng hóa VTTB sau giai đoạn bảo hành hợp đồng EPC Quảng Ninh 2, Quảng Ninh 1 do Nhà tổng thầu SEC bàn giao (83,9 tỷ đồng); (iii) Khoản thu từ việc thanh toán chi phí khởi động các TM năm 2016 do thừa nguồn (4,2 tỷ đồng) ...

- Chi phí lãi vay dài hạn thực hiện giảm 48,5 tỷ đồng so với kế hoạch do năm 2017 do Công ty chưa phải huy động vốn để thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng EPC Quảng Ninh 2 và Công ty đã chủ động đảm bảo dòng tiền cho SXKD, không phải vay vốn lưu động, nên tiết kiệm được chi phí lãi vay vốn lưu động khoảng 13,7 tỷ đồng.

2.2. Những khó khăn, tồn tại hạn chế:

✓ *Về mặt khách quan:*

- Diễn biến thời tiết trong năm 2017 gây bất lợi với Công ty: Mưa nhiều so với trung bình nhiều năm, nhu cầu phụ tải hệ thống điện với các Nhà máy nhiệt điện ở mức thấp, dẫn đến các Nhà máy nhiệt điện không được ưu tiên huy động, phải giảm công suất. Bên cạnh đó, trong tháng 10/2017, thị trường phát điện cạnh tranh tạm ngừng hoạt động... Các yếu tố này đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình vận hành sản xuất của Công ty. Mặc dù Công ty đã nỗ lực phấn đấu, nhưng kết quả sản lượng điện thương phẩm chỉ đạt 81,1% so với kế hoạch năm.

- Lưu lượng đầu vào nước làm mát tuần hoàn trong nhiều thời điểm (nhất là mùa nắng nóng) ở mức rất thấp với nhiệt độ tăng cao, dẫn đến phải giảm tải các TM.

✓ *Về mặt chủ quan:*

- Các thiết bị TM chưa thực sự vận hành ổn định, vẫn còn tồn tại nhiều khiếm khuyết, tiềm ẩn rủi ro cao như hệ thống gôit trực các máy nghiền than, hệ thống ống sinh hơi ... khi xảy sự cố thiết bị gây ảnh hưởng phải giảm tải hoặc ngừng TM.

- Số lần sự cố thiết bị TM mặc dù có xu hướng giảm dần rõ rệt qua các năm, nhưng vẫn còn cao trong năm 2017: Theo thống kê toàn Nhà máy đã xảy 14 lần sự cố, trong đó 12 sự cố chủ quan do thiết bị và 02 sự cố chủ quan do cả thiết bị và con người.

- Suất tiêu hao dầu FO thực hiện là 2,25 g/kWh, mặc dù thấp hơn so với PAGĐ (2,3 g/kWh) nhưng chưa đạt theo mục tiêu phấn đấu trong kế hoạch (2,0 g/kWh).

- Công tác vệ sinh công nghiệp, môi trường các khu vực thiết bị Nhà máy nhiều nơi, nhiều thời điểm chưa thực sự đảm bảo và đáp ứng yêu cầu.

3. Tình hình tài chính, cổ tức:

Năm 2017, Công ty có lợi nhuận SXKD sau thuế là 708,9 tỷ đồng. Tuy nhiên do Công ty đang phải chịu khoản lỗ lũy kế từ các năm trước chuyển sang là 1.484 tỷ

đồng, do đó Công ty không tiến hành trích lập các quỹ và không chia cổ tức cho các Cổ đông. Bên cạnh đó, với mức lợi nhuận đạt được này thì đến hết năm 2017, lỗ lũy kế của Công ty đã giảm từ 1.484 tỷ đồng xuống còn 774,6 tỷ đồng, trong đó lỗ CLTG thực hiện của các kỳ trả nợ gốc từ năm 2012 ÷ 2017 chưa được thanh toán là 1.384,9 tỷ đồng.

III. Kết quả hoạt động ĐTXD:

1. Công tác quyết toán vốn đầu tư Dự án hoàn thành:

- *Dự án Nhà máy Quảng Ninh 1:* Công ty đã phối hợp với đơn vị Tư vấn kiểm toán cơ bản hoàn thiện công tác lập hồ sơ quyết toán hoàn thành Dự án, tuy nhiên do liên quan đến vật tư bồi thường bổ sung của Nhà thầu SEC theo thống nhất của các Bên khi đàm phán quyết toán hợp đồng EPC Quảng Ninh 1. Do vậy khi Nhà thầu SEC cung cấp đầy đủ các vật tư này (dự kiến trong tháng 7/2018), Công ty sẽ tính toán lập và trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt báo cáo quyết toán hoàn thành toàn Dự án trong Quý III/2018.

- *Dự án Nhà máy Quảng Ninh 2:* Ngày 16/11/2017, Công ty và Nhà thầu SEC đã ký biên bản đàm phán quyết toán HĐ EPC Quảng Ninh 2. Hiện Công ty đang khẩn trương quyết toán A-B hợp đồng Tư vấn kỹ thuật giai đoạn 2 và tập hợp phân bổ các hạng mục chi phí khác. Đồng thời chủ động phối hợp với đơn vị Tư vấn kiểm toán xem xét trước hồ sơ tài liệu các hạng mục để đẩy nhanh tiến độ lập báo cáo quyết toán hoàn thành Dự án Quảng Ninh 2 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt vào đầu Quý III/2018.

2. Công tác giải ngân vốn đầu tư xây dựng:

Công ty đã cân đối sử dụng nguồn vốn và thực hiện thanh quyết toán các Hợp đồng EPC và ngoài EPC với giá trị là 487,2 tỷ đồng, đạt 56,4% so với KH.

3. Tình hình triển khai Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải Nhà máy NĐQN:

Công ty đã hoàn thành công tác LCNT đối với các gói thầu Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải Nhà máy NĐQN, cụ thể:

- Đối với các Gói thầu EPC số 5 (Thiết kế cung cấp vật tư thiết bị lắp đặt và cải tạo hệ thống lọc bụi ESP) và Gói thầu EPC số 6 (Thiết kế cung cấp vật tư thiết bị và lắp đặt Hệ thống khử NOx): Công ty đã hoàn thành công tác thương thảo, hoàn thiện nội dung Hợp đồng với các Nhà thầu được lựa chọn và đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt giá bán điện do hình thành Dự án để triển khai ký kết Hợp đồng EPC.

- Đối với các gói thầu ngoài EPC: Công ty đã triển khai công tác LCNT đồng bộ với các hợp đồng EPC, cụ thể: Đang trình phê duyệt kết quả LCNT gói thầu số 1 - Bảo hiểm xây dựng và lắp đặt công trình Dự án là Liên danh nhà thầu Công ty Bảo hiểm dầu khí PVI - Công ty bảo hiểm bưu điện PTI. Với gói thầu số 3 - Tư vấn quản lý hợp đồng EPC, đã mời Nhà thầu dự kiến trúng thầu vào thương thảo hợp đồng, làm cơ sở trình phê duyệt kết quả chính thức.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUẢN TRỊ KHÁC.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Đề án nâng cao hiệu quả SXKD và năng suất lao động (Đề án): Đề án giai đoạn 2016 ÷ 2020 của Công ty đã được HĐQT Công ty phê duyệt tại Quyết định số 1646/QĐ-NĐQN ngày 13/10/2016. Kết thúc năm 2017, về cơ bản các chỉ tiêu thực hiện đều đạt/vượt so với mục tiêu Đề án đề ra.

2. Công tác sửa chữa lớn năm 2017: Công ty đã chủ động chuẩn bị đầy đủ mọi VTTB, điều kiện phục vụ và tạo điều kiện, phối hợp tích cực với các Nhà thầu trong công tác SCL các hạng mục công trình, nên đã hoàn thành công tác SCL đảm bảo yêu cầu về chất lượng và tiến độ đề ra, nhất là đối với TM1 (trong vòng 60 ngày). **Đối với công tác quyết toán SCL:** Song song với công tác SCL, Công ty đã đôn đốc, phối hợp, hướng dẫn các Nhà thầu hoàn thiện các hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán của 14/14 hạng mục công trình SCL năm 2017, trình và đã được HĐQT Công ty phê duyệt với Tổng giá trị quyết toán SCL (chưa bao gồm VAT) là 141,1 tỷ đồng, giảm so với Tổng giá trị dự toán được duyệt là 67,0 tỷ đồng.

3. Công tác sửa chữa thường xuyên các TM: Trong năm 2017, bộ phận sửa chữa của Công ty đã có nhiều tiến bộ, tích lũy thêm kinh nghiệm, trình độ tay nghề không ngừng được cải thiện, góp phần đảm bảo và hoàn thành tốt các nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên và sự cố thiết bị, đảm bảo không vi phạm quy định thời gian sửa chữa 72h. Hiện Công ty đang xây dựng lộ trình nâng cao năng lực bộ phận sửa chữa để tăng dần tỷ lệ Công ty tự thực hiện, giảm tỷ lệ thuê Đơn vị ngoài sửa chữa.

4. Công tác mua sắm nguyên nhiên liệu, VTTB phục vụ sản xuất điện năm 2017: Công tác mua sắm, quản lý, cấp phát VTTB của Công ty đã được cải thiện rất nhiều, các quy trình thủ tục đi vào nề nếp, ổn định, khoa học, đáp ứng tiến độ và tuân thủ theo đúng quy định đã ban hành. Trong năm 2017, trên cơ sở Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (KHLCNT) đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt, Công ty đã chủ động, khẩn trương triển khai và hoàn thành công tác LCNT với tổng số gói thầu là 154/156 gói thầu (đã bao gồm các gói thầu mua sắm theo nhu cầu phát sinh thực tế hàng tháng), tương ứng với tổng giá trị các gói thầu đã tổ chức đấu thầu là 487,6 tỷ đồng, tổng giá trị trúng thầu là 419,5 tỷ đồng. Công tác đấu thầu LCNT năm 2017 phân đấu thực hiện tiết giảm theo đúng tỷ lệ quy định trong Đề án nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ và đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và tuân thủ theo quy trình của Luật đấu thầu.

5. Công tác thị trường điện: Công ty luôn chú trọng bám sát diễn biến Thị trường điện, diễn biến huy động của các hồ thủy điện, tình hình diễn biến của thời tiết, phương thức huy động trên Hệ thống điện, tình hình vận hành và sửa chữa của các ĐZ500kV đấu nối với Nhà máy, đấu nối 500kV Bắc - Nam để chủ động, linh hoạt trong chào giá, đảm bảo các TM vận hành an toàn, ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế và thực hiện đúng các quy trình, quy định của Thị trường điện. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã chủ động lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu, bám sát và đôn đốc Công ty mua bán điện nhằm đẩy nhanh thanh toán tiền bán điện hàng tháng.

6. Công tác quản trị nội bộ:

- Công tác rà soát, hoàn thiện bổ sung các Quy chế, Quy định quản lý nội bộ: Năm 2017, Công ty tiếp tục hệ thống hóa, ban hành, sửa đổi bổ sung thêm 25 bộ Quy chế, Quy định. Các Quy chế, Quy định xây dựng phù hợp với yêu cầu thực tế, tạo cơ sở pháp lý cần thiết, đầy đủ trong công tác quản lý điều hành.

- Công tác quản trị lao động, bố trí sử dụng lao động hợp lý hiệu quả:

▪ Công ty đã thực hiện rà soát, điều chỉnh và tái cơ cấu mô hình tổ chức hoạt động các bộ phận trong Công ty để đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động. Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý điều hành công việc. Xây dựng phương án mô hình tổ chức Công ty theo hướng chuyên môn hóa, hoạt động hiệu quả và phù hợp trong cơ chế thị trường điện.

▪ Công ty đã cải tiến cơ chế trả lương gắn với năng suất lao động, trả lương cho lao động kỹ thuật cao, lao động quản lý giỏi và đã khắc phục được tình trạng cào bằng trong việc trả lương, tạo động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động, phát huy được vai trò của tiền lương như một công cụ quản lý, bố trí sử dụng lao động hiệu quả.

- Công tác đào tạo nhân lực: Luôn được Công ty quan tâm đúng mức, thường xuyên theo quy định và coi đó là yếu tố quan trọng để Công ty nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Trong năm, Công ty đã cử cán bộ quản lý, quy hoạch tham gia các khóa học theo các chương trình của EVN, EVNGENCO1 nhằm nâng cao năng lực quản trị của cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, Công ty tập trung đào tạo nâng cao trình độ tay nghề đối với đội ngũ kỹ thuật, đào tạo các chức danh vận hành, bằng hình thức đào tạo tại chỗ, đảm bảo không ảnh hưởng đến công tác vận hành/sửa chữa, tiết kiệm được thời gian, chi phí.

7. Công tác cải thiện tình hình tài chính: Trong năm, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật, do vậy tình hình tài chính của Công ty đã được cải thiện rất nhiều, dòng tiền được đảm bảo. Các nội dung công tác trọng tâm đã thực hiện bao gồm: (i) Chú trọng công tác tối ưu hoá VTTB tồn kho, xây dựng định mức hàng tồn kho tối ưu; công tác quản lý, phân loại, sắp xếp, đảo chuyển VTTB trong kho khoa học, thuận tiện, đảm bảo duy trì chất lượng; (ii) Chú trọng và chủ động trong công tác thanh xử lý TSCĐ, VTTB. Tổ chức phân loại, đánh giá VTTB kém mất phẩm chất, không cần dùng để bán thanh lý thu hồi vốn; VTTB có thể phục hồi, bảo dưỡng để giữ lại tái sử dụng, hạn chế chi phí mua sắm mới; (iii) Chú trọng công tác quản trị dòng tiền, thực hiện xây dựng kế hoạch dòng tiền hàng tháng, quý, năm; bám sát, đôn đốc việc thanh toán, thu hồi công nợ tiền bán điện nhằm giảm thiểu vay vốn lưu động; (iv) Thực hiện tốt công tác kiểm kê định kỳ vào cuối mỗi quý và cuối năm, nhằm đánh giá tình trạng VTTB mất phẩm chất, thừa thiếu để có biện pháp xử lý kịp thời, đúng quy định.

8. Về tình hình thoái vốn của Công ty tại NPS:

Năm 2017, Công ty đã chào bán thành công là 350.000/500.000 cổ phần tại NPS, chiếm 70% tổng số cổ phiếu được phép chào bán; giá bán bình quân là 15.400 đồng/cp.

9. Công tác khoa học công nghệ: Công ty đã triển khai 31 sáng kiến cải tiến kỹ thuật ứng dụng vào thực tế sản xuất nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả trong vận hành thiết bị, nâng cao chất lượng, tuổi thọ và độ tin cậy của tổ máy, từ đó mang lại hiệu quả kinh tế cao. Một số giải pháp, sáng kiến mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty đã, đang được tiếp tục rút kinh nghiệm và nhân rộng, cụ thể như: Cải tạo mạch điều khiển máy cấp than mịn; Chuyển đổi chế độ điều khiển van tâm chắn Bypass FGD TM số 1, số 2 và số 3; Thay đổi logic quạt làm mát thiết bị giám sát cháy vòi dầu ...

10. Công tác bảo vệ môi trường: Công tác quản lý và bảo vệ môi trường (BVMT) của Công ty được đặc biệt chú trọng, phát triển SXKD gắn liền với công tác bảo vệ môi trường theo đúng chủ trương, chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Trong năm, Công ty đã ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác BVMT, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn bộ CBCNV; năm 2017, Công ty không để xảy ra vấn đề vi phạm môi trường.

PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2018

Năm 2018 là năm then chốt, giữa giai đoạn thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2016 ÷ 2020). Đây cũng là năm có nhiều khó khăn, biến động ảnh hưởng đến hoạt động SXKD, ĐTXD của Công ty: Sản lượng điện hợp đồng được giao ở mức tỷ lệ thấp hơn; Công ty bắt đầu thực hiện các Dự án đầu tư mới về môi trường (Dự án khí thải, Dự án nâng cao hiệu suất nước thải tuần hoàn); năm cuối cùng thực hiện PAGĐ Nhà máy NĐQN 1 đã được duyệt ... Với phương châm nỗ lực vượt mọi khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch, Công ty đã triển khai xây dựng và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ chính cho năm 2018 như sau:

I. Mục tiêu nhiệm vụ trọng tâm:

1. Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2018 của Công ty đã đề ra.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án nâng cao hiệu quả SXKD, năng suất lao động giai đoạn 2016 ÷ 2020 của Công ty. Nghiên cứu xây dựng và đưa vào áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tăng năng suất lao động, lành mạnh tình hình tài chính của Công. Các chỉ tiêu chính phần đầu như sau:

- Hệ số khả dụng là 88,63%;
- Tỷ lệ dừng máy do sự cố là 2,74%;



- Tỷ lệ dừng máy do bảo dưỡng là 8,63%;
- Tỷ lệ tự dừng là 9,92%, bao gồm:
- Suất hao nhiệt là 11.024,73 KJ/kWh (có tính đến chỉ tiêu phân đầu đã được EVNGENCO1 giao là 10.500 KJ/kWh).

3. Thực hiện chủ đề năm 2018 của EVN “*Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*”.

4. Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, quản lý cấp phát vật tư. Hạn chế tối đa khối lượng vật tư tồn kho, không luân chuyển để tránh đọng vốn SXKD.

5. Hoàn thành công tác đại tu (sửa chữa lớn) các hạng mục công trình trong kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018 đảm bảo chất lượng và tiến độ.

6. Chuẩn bị các điều kiện để tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:

1. Đối với kế hoạch SXKD năm 2018:

- Sản lượng điện sản xuất là 6,75 tỷ kWh;
- Sản lượng điện thương phẩm: 6,11 tỷ kWh, trong đó sản lượng hợp đồng là 5,53 tỷ kWh;
- Tổng doanh thu: 8.515,2 tỷ đồng;
- Tổng chi phí: 8.164,5 tỷ đồng;
- Tổng lợi nhuận: 350,7 tỷ đồng.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2018 xuất hiện các yếu tố khách quan gây ảnh hưởng đến các Kế hoạch năm 2018 của Công ty: (i) Tình hình hoạt động, vận hành của Thị trường điện theo quyết định của Cấp có thẩm quyền; (ii) Khả năng huy động của Hệ thống điện, giá điện năng Thị trường thay đổi, biến động lớn so với dự kiến kế hoạch năm 2018, làm ảnh hưởng tới doanh thu bán điện của Công ty; (iii) Các quy định thay đổi về tiêu chuẩn khí thải hoặc giá bán điện bổ sung do hình thành Dự án đầu tư, nâng cấp cải tạo hệ thống khí thải của Công ty theo quyết định của các Cấp có thẩm quyền ... Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá loại trừ các yếu tố này để xác định, phê duyệt điều chỉnh các chỉ tiêu Kế hoạch chủ yếu của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Đối với kế hoạch ĐTXD năm 2018:

Công ty phân đầu hoàn thành quyết toán Dự án Quảng Ninh 1 và Quảng Ninh 2; Hoàn thành lựa chọn Nhà thầu, ký kết các HĐ EPC Dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải ... Tổng giá trị đầu tư (nguồn vốn huy động) để giải ngân cho các hạng mục công trình trong năm 2018 là 276,0 tỷ đồng.

III. Các giải pháp thực hiện:

1. Một là, hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức - Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị, trình độ năng lực chuyên môn của CBCNV: Tăng cường

J.N.57
 C
 C
 NH
 QU
 4 LONG

công tác kiểm tra kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ đối với các chức danh, thực hiện đánh giá năng lực chuyên môn các chức danh một cách khách quan, minh bạch thông qua cả kết quả thi chức danh, nâng bậc được chấm trên phần mềm, kết hợp với quá trình đào tạo thường xuyên theo chuyên đề hoặc đột xuất. *Luôn xác định đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ sống còn của Công ty.*

2. Hai là, thực hiện tốt công tác thị trường điện, bao gồm:

- Chủ động, linh hoạt vận hành các TM trong thị trường điện và hoạt động chào giá, đảm bảo tiêu chí “*chỉ phát điện khi bán có lãi hoặc thấp nhất là đủ chi phí biến đổi thực tế, không phát sinh sản lượng điện phát thừa không có thu hoặc bị phạt so không đủ sản lượng theo bản chào*”.

- Thường xuyên giám sát tình hình vận hành trên hệ thống, lập kế hoạch chi tiết cho từng ngày, tuần và tháng để triển khai đến tận ca vận hành và các bộ phận liên quan cùng thống nhất thực hiện theo phương thức thị trường điện.

- Đảm bảo tính khả dụng cao các TM, vận hành ổn định tin cậy.

- Đơn vị vận hành luôn chủ động bám sát phương thức, căn cứ bản chào giá từng giờ và lệnh huy động của Điều độ A0 để điều chỉnh công suất tổ máy cho phù hợp, tránh phát sinh Q_{du} ảnh hưởng đến doanh thu.

- Đối với các đơn vị sửa chữa cần đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ, cố gắng đưa TM vào vận hành trong thời gian nhanh nhất có thể, đặc biệt tránh thời gian sửa chữa kéo dài quá 72h gây thiệt hại cho Công ty.

3. Ba là, giảm suất sự cố:

- Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình trạng vận hành an toàn, ổn định và tuổi thọ của thiết bị các TM.

- Hiệu chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy trình, quy phạm vận hành, sửa chữa của từng thiết bị trong Nhà máy.

- Quán triệt đến từng vị trí chức danh phải luôn hiểu rõ, thực hiện đầy đủ quy trình nhiệm vụ và quy trình, quy phạm vận hành, sửa chữa của từng thiết bị Nhà máy.

- Trong vận hành không để xảy ra những sự cố chủ quan do con người, có các biện pháp tích cực để giảm thiểu suất tiêu hao than, dầu.

4. Bốn là, nâng cao độ sẵn sàng, tin cậy trong vận hành:

- Thực hiện tốt công tác sửa chữa thường xuyên; cung cấp vật tư thiết bị kịp thời, chất lượng phục vụ sửa chữa thường xuyên.

- Nâng cao khả năng nắm bắt, ngăn ngừa sự cố thiết bị, đẩy nhanh tiến độ, chất lượng công tác sửa chữa, xử lý sự cố thiết bị.

- Tập trung nhân lực tốt nhất để rút ngắn tiến độ, đảm bảo chất lượng trong quá trình khắc phục các sự cố thiết bị,

5. Năm là, đảm bảo nguồn vốn của Công ty:

- Quản lý chặt chẽ các khoản mục chi phí phát sinh trong năm kế hoạch trên cơ sở các mục tiêu tối ưu hóa theo Đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động của Công ty giai đoạn 2016 ÷ 2020.

- Tận dụng tối đa các ưu thế trên thị trường phát điện cạnh tranh nhằm tối đa hóa doanh thu từ thị trường.

- Tối đa hóa lợi nhuận, phân đầu đạt chỉ tiêu lợi nhuận KH SXKD năm 2018.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2017 và phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 của Công ty. Kính mong nhận được sự quan tâm chỉ đạo và ý kiến thông qua của các Cổ đông để Công ty có cơ sở triển khai và hoàn thành tốt các nhiệm vụ Kế hoạch năm 2018 được giao./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ (để b/c);
- HĐQT Công ty (để b/c);
- BKS Công ty (để b/c);
- Các PTGD (để chỉ đạo thực hiện);
- Các Phòng ban, PX (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Duy Hạnh

434,
NG T
PHÀ
ĐI
N
QU

PHỤ LỤC 01
Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2017	TH Năm 2017	TH năm 2016	Tỷ lệ TH 2017/ KH 2017 (%)	Tỷ lệ TH 2017/TH 2016 (%)
I	Chỉ tiêu sản xuất điện						
1	SL điện sản xuất	Tr.kWh	7.200,00	5.791,55	7.097,6	80,4%	81,6%
2	SL điện bán cho EVN	Tr.kWh	6.514,99	5.281,85	6.458,3	81,1%	81,8%
3	Tỷ lệ điện tự dùng	%	9,92	9,72	9,19	Đạt	
4	Suất chi phí than	đồng/kWh	783,82	775,03	742,68	Đạt	
5	Suất tiêu hao dầu FO	g/kWh	2,0	2,25	1,94	Chưa đạt	
II	Tổng doanh thu	Tr.đồng	9.161.250	8.301.573	8.743.194	90,6%	94,9%
III	Tổng chi phí	Tr.đồng	8.828.958	7.484.174	8.149.462	84,8%	91,8%
IV	Tổng lợi nhuận (chưa tính ảnh hưởng của CLTG)	Tr.đồng	332.292	817.399	593.732	246,0%	137,7%
IV	Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	-	(108.510)	(227.112)		
1	Phát sinh trong kỳ	Tr.đồng	-	20.390	(98.054)		
2	Lỗ CLTG năm 2015 phân bổ sang	Tr.đồng	-	(128.900)	(129.059)		
V	Lợi nhuận đã gồm CLTG trong kỳ và năm 2015 phân bổ sang	Tr.đồng	-	708.889	366.620		193,4%

